

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HS-PT

Ngày: 31/3/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yễn.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Thanh Tuấn và bà Phạm Thị Mai Hoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quang Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 172/2020/TLPT-HS ngày 05 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Hoàng A do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2020/HSST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương.

- Bị cáo kháng cáo:

NGUYỄN HOÀNG A, sinh năm 1965 tại tỉnh Hải Dương; Nơi ĐKKTT và nơi cư trú: Khu dân cư L, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Công chức xã; Chức vụ trước khi phạm tội: Phó bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, huyện K, tỉnh Hải Dương (Ngày 26/06/2019 Huyện ủy, UBND huyện K đã quyết định tạm đình chỉ sinh hoạt cấp ủy và tạm đình chỉ công tác); Trình độ văn hóa (học vấn): 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N (ông Nhẫn là Liệt sỹ chống Pháp) và bà Hoàng Thị T; có vợ là Nguyễn Thị Th (Th1) và 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: không; Bị cáo tại ngoại; Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng A:

1/ Ông Nguyễn Mạnh C - Luật sư Công ty Luật TNHH IMC - Đoàn luật sư TP Hà Nội; Địa chỉ: Phòng 1809 tòa 27A2 Green Stars, số 234 Đ, phường C, quận B, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

2/ Ông Phạm Xuân T - Luật sư Văn phòng Luật sư A - Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương; Địa chỉ: Số 15A, đường Q, Phường N, thành phố D, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

- Bị hại: UBND phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương;

Đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND phường.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh Th - Phó Chủ tịch UBND phường. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

+ Bà Hà Thị N, sinh năm 1987;

+ Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1960.

+ Ông Nguyễn Ngọc Tr, sinh năm 1970.

+ Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1985.

+ Bà Vũ Thị Thúy M1, sinh năm 1989.

Đều có địa chỉ: D, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương;

+ Ông Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1979.

+ Ông Phạm Thế K2, sinh năm 1980.

+ Ông Dương Văn M2, sinh năm 1960.

Đều có địa chỉ: L, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương;

+ Ông Phạm Quang K1, sinh năm 1975; Địa chỉ: 142 Đ, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

+ Bà Phạm Thanh L, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khu 2, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

+ Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 2/3/46 đường T, khu 16, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

+ Ông Đoàn Bá G, sinh năm 1983; Địa chỉ: 148/441 P, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

+ Ông Bùi Văn M, sinh năm 1969; Địa chỉ: D, N, huyện G, tỉnh Hải Dương.

+ Ông Lê Anh T1, sinh năm 1959.

+ Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1976.

Đều làm việc tại: Công ty cổ phần kinh doanh chế biến hàng xuất nhập khẩu Đ; Địa chỉ: Số 31 K, phường K, quận Q, thành phố P.

(Đều vắng mặt).

Vụ án còn có bị cáo Đặng Văn L không có kháng cáo; Bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 9/2015 Đảng ủy, Hội đồng nhân dân xã M, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương) ban hành Nghị quyết về việc giao cho UBND xã M cải tạo, sửa chữa Trạm y tế xã M.

Ngày 21/10/2015, Nguyễn Hoàng A- Chủ tịch UBND xã M ký hợp đồng thuê ông Nguyễn Ngọc H - Trạm trưởng Trạm y tế xã M thi công cải tạo, sửa chữa Trạm y tế xã theo dự toán do UBND xã lập với kinh phí 77.420.000 đồng.

Trong thời gian tháng 10, 11/2015, ông H đã tự mua vật liệu xây dựng, thuê thợ triển khai thi công và hoàn thành việc cải tạo, sửa chữa Trạm y tế vào giữa tháng 11/2015, trong quá trình thi công, UBND xã giao cho ông Nguyễn Văn Q - Công chức địa chính, xây dựng thực hiện kiểm tra, giám sát việc thi công. Sau khi thi công xong, ngày 20/11/2015, Hoàng A chỉ đạo ông Nguyễn Ngọc Tr - Thủ quỹ ngân sách UBND xã M trả cho ông H tiền thi công cải tạo, sửa chữa Trạm y tế xã số tiền 70.000.000 đồng từ nguồn thu 100.000.000 đồng do Công ty Cổ phần kinh doanh chế biến hàng hóa xuất nhập khẩu Đ (viết tắt là Công ty Đ) nộp hỗ trợ đất công điền khi được UBND tỉnh Hải Dương thu hồi cho thuê đất nhưng UBND xã để ngoài ngân sách xã, không hạch toán theo dõi trên sổ sách kế toán và không nộp Kho bạc Nhà nước theo quy định. Đến ngày 23/01/2017 Hoàng A trực tiếp trả cho ông H 7.000.000 đồng, còn lại 420.000 đồng chưa thanh toán; khi ông H nhận tiền chỉ viết, ký nhận trên sổ ghi chép của ông Tr và Hoàng A. Việc chi trả tiền cho ông H chỉ có Hoàng A và ông Tr biết, không được Hoàng A chỉ đạo cán bộ chuyên môn lập chứng từ kế toán để thanh toán, hạch toán theo quy định của Luật Kế toán và Chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã (Hoàng A không báo cáo Đảng ủy xã và không thông báo cho tập thể UBND xã M) (Bút lục số 510 đến 600).

Cũng vào tháng 10/2015, Hoàng A đã báo cáo Đảng ủy xã M về việc UBND xã M có nguồn tiền 120.496.944 đồng được Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Dương hoàn trả lưới điện trung áp chuyển ngày 03/7/2014 vào tài khoản tiền gửi của UBND xã M mở tại Kho bạc Nhà nước huyện K và đã được Đảng ủy xã M cho ý kiến sử dụng số tiền này chi đầu tư cho các công trình phúc lợi xã hội của địa phương (trong đó có công trình Trạm y tế xã). Ngày 28/06/2016, tại kỳ họp HĐND xã M (khóa XXI nhiệm kỳ 2016- 2020), Hoàng A đã báo cáo và được HĐND xã thông qua Nghị quyết về việc sử dụng 120.496.944 đồng từ nguồn tiền hoàn trả lưới điện để chi cho công trình cải tạo Trạm y tế.

Đầu tháng 10/2016, Hoàng A trao đổi với chị Hà Thị N là Kế toán ngân sách xã về việc sử dụng khoản tiền hoàn trả lưới điện trung áp để thanh, quyết toán công trình cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã, bà N có nói: “Chú phải yêu cầu đơn vị thi công lập hồ sơ xây dựng, thi công, quyết toán đúng quy định thì mới chi được”. Lúc này Hoàng A nói cho chị N biết, UBND xã đã thuê tư nhân cải tạo Trạm y tế xã nên không có hồ sơ dự toán, thiết kế, thi công, quyết toán để thanh toán (chị N không biết trước đó Hoàng A đã chỉ đạo thanh toán tiền thi

công cải tạo Trạm y tế cho ông H) nên đã nói với Hoàng A nhờ đơn vị có tư cách pháp nhân lập hồ sơ xây dựng, quyết toán để thanh toán công trình này.

Sau đó, Hoàng A đã gặp Đặng Văn L - Chủ sở hữu, Giám đốc Công ty TNHH xây dựng và đầu tư L (viết tắt là Công ty L) trao đổi và nhờ L giúp UBND xã lập hồ sơ thi công để thanh quyết toán công trình Trạm y tế xã theo dự toán do UBND xã lập với số tiền là 77.420.000 đồng. Thời điểm này Công ty L đang thi công công trình Trường trung học cơ sở xã M nên L kiểm tra thực tế (đối chiếu với bản dự toán cải tạo Trạm y tế của UBND xã do Hoàng A đưa cho, biết rõ công trình Trạm y tế xã đã được tổ chức, cá nhân khác thi công xong) và với kinh nghiệm của mình, L xác định kinh phí cải tạo Trạm y tế xã hết khoảng 70.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng nên đồng ý giúp và đưa ra lý do Công ty L phải xuất hóa đơn giá trị gia tăng 10% trên doanh thu, sau đó hai người thỏa thuận, Công ty L giữ lại 13% trên tổng số tiền thanh, quyết toán, số tiền còn lại 87% Lại sẽ trả cho Hoàng A sau khi rút tiền tại ngân hàng.

Do Công ty L không có chức năng lập dự toán, thiết kế và thẩm định nên Lại bảo Hoàng A nhờ đơn vị có tư cách pháp nhân lập dự toán, thiết kế và thẩm định. Hoàng A đã trao đổi, nhờ anh Nguyễn Văn P - Giám đốc Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và kiểm định A (viết tắt là Công ty A) giúp UBND xã lập hồ sơ thiết kế, dự toán công trình cải tạo Trạm y tế. Do không biết mục đích của Hoàng A, anh P đồng ý giúp và cử anh Đoàn Bá G là nhân viên kỹ thuật công ty đến xã M khảo sát, đo vẽ hiện trạng, xác định khối lượng các hạng mục cải tạo, sửa chữa Trạm y tế xã đã thi công, lập hồ sơ thiết kế, dự toán công trình cải tạo khu nhà sản Trạm y tế xã với tổng kinh phí là 98.606.000 đồng. Sau đó, anh P chuyển hồ sơ thiết kế, dự toán nhờ anh Bùi Văn M - Giám đốc Công ty phần xây dựng và thương mại B (viết tắt là Công ty B), địa chỉ số 30, S-Thành phố H làm thủ tục thẩm tra thiết kế, dự toán rồi chuyển lại cho Hoàng A. Sau đó, ngày 25/10/2016, Hoàng A chỉ đạo bà N rút 120.496.944 đồng từ tài khoản tiền gửi của UBND xã, nộp vào tài khoản dự toán chi thường xuyên ngân sách xã mở tại Kho bạc Nhà nước huyện để thanh toán công trình.

Sau khi có hồ sơ thiết kế, dự toán của Công ty A và kết quả thẩm tra của Công ty B, Lại đã cùng Hoàng A lập hợp đồng thi công đề ngày 01/12/2016, thanh lý hợp đồng đề ngày 20/12/2016 và tài liệu thi công, nghiệm thu, quyết toán công trình cải tạo khu nhà sản Trạm Y tế xã M, rồi Hoàng A với tư cách Chủ tịch UBND xã M đã ra Quyết định số 108/QĐ-UBND đề ngày 23/12/2016 về việc phê duyệt quyết toán công trình; L với tư cách giám đốc Công ty L ký, xuất hóa đơn giá trị gia tăng đề ngày 20/12/2016 đối với công trình với tổng giá trị là 98.606.000 đồng (gồm 89.641.818 đồng chi phí thi công và 8.964.182 đồng thuế giá trị gia tăng).

Sau đó, Hoàng A chỉ đạo kế toán UBND xã M làm thủ tục rút dự toán ngân sách hai lần tổng số tiền 98.606.000 đồng từ tài khoản ngân sách xã tại Kho bạc Nhà nước K chuyển vào tài khoản của Công ty L mở tại Agribank- Chi nhánh Thành phố H thanh toán công trình cải tạo khu nhà sản Trạm Y tế xã (lần 1 chuyển 56.337.028 đồng- ngày 18/01/2017; lần 2 chuyển 42.268.972 đồng - ngày 25/01/2018).

Sau khi được thanh toán tiền công trình, L đã đưa cho Hoàng A hai lần tổng số tiền 85.787.220 đồng (lần 1 trả 49.013.214 đồng, lần 2 trả 36.774.006 đồng), giữ lại Công ty L 12.818.780 đồng và lập chứng từ, hạch toán chi phí, doanh thu, kê khai- nộp thuế giá trị gia tăng quý 4/2016, thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016 để hợp thức việc quyết toán, thanh toán công trình cải tạo khu nhà sản Trạm Y tế xã M; Hoàng A và L không chi khoản tiền nào cho anh Bùi Văn M - Giám đốc Công ty B, anh Nguyễn Văn P, anh Đoàn Bá G - Giám đốc và nhân viên Công ty A. Khi Lại đến UBND xã M giao số tiền trên, Hoàng A không chỉ đạo kế toán lập phiếu thu tiền, không bàn giao tiền cho Thủ quỹ ngân sách xã đối với số tiền mà Hoàng A trực tiếp nhận của L, không viết giấy biên nhận và quản lý cá nhân 85.787.220 đồng, không cho ai khác biết, cho đến ngày 20/8/2018 khi Cơ quan điều tra đang tiến hành xác minh việc đầu tư, quyết toán, thanh toán công trình cải tạo Trạm Y tế thì Hoàng A mới giao nộp về ngân sách xã 78.387.220 đồng và giữ lại 7.000.000 đồng mà trước đó đã dùng tiền cá nhân trả ông Nguyễn Ngọc H. Ngày 13/9/2018 theo đề nghị của L, Hoàng A ký giấy biên nhận về việc nhận số tiền 85.787.220 đồng do L giao.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 20/8/2018, Nguyễn Hoàng A nộp ngân sách xã M 78.387.220 đồng, đại diện UBND xã M (nay là phường P) nhất trí với việc Hoàng A giữ lại số tiền 7.000.000 đồng mà trước đó Hoàng A đã thanh toán cho ông Nguyễn Ngọc H và không có yêu cầu bồi thường gì khác. Ngày 28/9/2018 UBND xã M đã nộp số tiền 78.387.220 đồng vào kho bạc Nhà nước huyện K. Ngày 11/10/2019 bị can L đã chuyển khoản trả UBND xã M 12.818.780 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 58/2020/HSST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã K đã căn cứ vào khoản 1, 5 Điều 353; điểm b, s, x khoản 1 Điều 51, Điều 7, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng A 34 tháng tù tội “Tham ô tài sản”. Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Nguyễn Hoàng A đảm nhiệm chức vụ trong các cơ quan, tổ chức trong thời hạn 01 (một) năm 06 (sáu) tháng sau khi chấp hành xong hình phạt tù. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hoàng A phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/10/2020 bị cáo Nguyễn Hoàng A kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm, tuyên bị cáo không phạm tội tham ô tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Hoàng A giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận kháng cáo tuyên bị cáo không phạm tội. Bị cáo xác định hành vi lập hồ sơ không thiết kế thi công là để hoàn ứng số tiền trước đây đã chi trả cho ông H (Trạm trưởng y tế xã). Đối với số tiền L đưa 85.787.220đ, bị cáo giữ tiền, chưa đưa vào ngân sách là để chờ anh Tr thu đủ số tiền 100.000.000đ đã vay của Công ty Đ. Việc làm đó chỉ là chưa đúng nguyên tắc quản lý tài chính, bị cáo không có động cơ lợi dụng chức vụ thu vén lợi ích cá nhân, không có mục đích chiếm đoạt, tham ô số tiền như tại bản án sơ thẩm đã nêu. Nếu cấp phúc thẩm thấy rằng bị cáo có tội, thì đề nghị xem xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã nộp hết số tiền vào Ngân sách xã, áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự và Nghị quyết 03/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, xét khoan hồng miễn hình phạt cho bị cáo theo Điều 59 Bộ luật hình sự.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phạm Xuân T trình bày:

Căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng là ông Nguyễn Ngọc H, anh Nguyễn Ngọc Tr, chị Hà Thị N, ông Dương Văn M2 đều khẳng định Hoàng A thực hiện đúng Nghị quyết của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân xã M. Việc bị cáo nhờ Công ty L và các tổ chức chuyên môn lập hồ sơ thi công, không nhằm mục đích dựng lên để tư lợi cá nhân mà có sự gợi ý của kế toán xã. Giá trị hợp đồng cao hơn mức giá đã ký với ông H là để tính vào thuế giá trị gia tăng và các chi phí khác, Hoàng A và Lại không bàn bạc nâng khống giá trị hợp đồng để lấy chênh lệch chia nhau. Sau khi nhận tiền của Lại 85.787.220đ, Hoàng A chỉ giữ lại 7.000.000đ đã ứng trả cho ông H, số tiền còn lại ông đã nhập vào Ngân sách xã, không sử dụng bất cứ một khoản nào trong số tiền trên cho cá nhân mình. Lời khai của ông M2 khẳng định Hoàng A không chiếm đoạt số tiền trên. Như vậy hành vi của Hoàng A không cấu thành tội tham ô tài sản theo Điều 353 Bộ luật hình sự 2015, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo.

Luật sư Nguyễn Mạnh C: nhất trí với ý kiến của Luật sư Phạm Xuân T, đồng thời bổ sung ý kiến: Bản án sơ thẩm và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tỉnh tại phiên tòa phúc thẩm kết luận bị cáo phạm tội tham ô tài sản là không có căn cứ vì: Việc sửa chữa Trạm y tế có sự chấp thuận của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân xã. Nguồn tiền Hoàng A trả tiền sửa chữa Trạm y tế là tiền vay của Công ty Đ 100.000.000đ ngày 15/11/2015, không phải từ nguồn thu ngân sách xã M vì đến ngày 30/09/2016 UBND tỉnh mới ban hành Quyết định trích cho

UBND xã M số tiền bồi thường giải phóng mặt bằng theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ngày 20/8/2018, bị cáo Hoàng A đã nộp toàn bộ số tiền 78.387.220 đồng vào Ngân sách xã M, nên kết luận Hoàng A chiếm đoạt số tiền trên là không có căn cứ. Ngoài ra Luật sư còn nêu những vi phạm tố tụng về thẩm quyền điều tra, việc phân công kiểm sát viên cấp tỉnh tham gia xét xử vụ án thuộc thẩm quyền của cấp huyện, vi phạm trong việc tranh tụng tại phiên tòa của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án và đề nghị hủy án sơ thẩm, tuyên bị cáo không phạm tội. Nếu Tòa vẫn xác định bị cáo Hoàng A có tội thì nhất trí xử theo đề nghị của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh tham gia phiên tòa sau khi phân tích các tình tiết trong vụ án, nêu những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, các căn cứ xem xét kháng cáo của bị cáo, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; xem xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xác định cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Hoàng A về tội “Tham ô tài sản” là đúng người, đúng tội, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo. Mức hình phạt bị cáo Hoàng A 34 tháng tù là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới, nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 355, Điều 356 BLTTHS, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên tội danh, hình phạt chính, hình phạt bổ sung tại bản án sơ thẩm. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng A trong thời hạn luật định, là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Bị hại và những người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. HĐXX căn cứ Điều 351 BLTTHS, xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng A thấy rằng:

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận diễn biến hành vi của bị cáo như nội dung bản án sơ thẩm là đúng. Tuy nhiên, bị cáo xác định hành vi lập hồ sơ thiết kế thi công là để hoàn ứng số tiền trước đây vay của Công ty Đ 100.000.000đ, để chi trả cho ông H (trạm trưởng y tế xã) 70.000.000đ và việc bị cáo giữ tiền là để chờ thu quỹ Tr thu đủ số tiền đã sử dụng mua sắm cho UBND xã. Việc làm đó có chăng chỉ là thực hiện chưa đúng nguyên tắc quản lý kinh tế, tài chính chứ không có động cơ lợi dụng chức vụ thu vén lợi ích cá nhân, không có mục đích chiếm đoạt. Bị cáo cũng đã nộp toàn bộ số tiền đó trả lại Ngân sách xã, nên bị cáo không phạm tội tham ô tài sản.

Trên cơ sở toàn bộ diễn biến nội dung vụ việc, lời khai của những người làm chứng các chứng cứ đã được tranh tụng và thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, đã làm sáng tỏ nội dung: Vào tháng 9/2015 Đảng ủy, Hội đồng nhân dân xã M, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương) ban hành Nghị quyết về việc đồng ý chấp nhận và giao cho UBND xã M cải tạo, sửa chữa Trạm y tế xã M do bị xuống cấp. Bị cáo Hoàng A khi đó giữ chức vụ là Chủ tịch của UBND xã M, là người có chức vụ, quyền hạn quản lý các nguồn thu, và thực hiện việc chi ngân sách của UBND xã M. Bị cáo đã chỉ đạo anh Q địa chính cùng ông Nguyễn Ngọc H- Trạm trưởng trạm y tế tổ chức lên phương án, hợp đồng sửa chữa trạm y tế M đã được hoàn tất khoảng tháng 10/2015. Chi phí sửa chữa thực tế do ông H thi công hết 77.420.000đ và Hoàng A đã chỉ đạo xuất chi 70.000.000đ thanh toán cho ông H từ khoản tạm ứng 100.000.000đ của Công ty Đ cho UBND xã (có phiếu thu, nhưng để ngoài ngân sách).

Việc sửa chữa Trạm y tế hết 77.420.000đ, nhưng bị cáo Hoàng A đã cùng bị cáo Đặng Văn L nhờ các đơn vị có tư cách pháp nhân khác như lập hồ sơ thiết kế, hồ sơ thẩm định để làm không hồ sơ xây dựng lên thành số tiền 98.606.000đ. Bị cáo Hoàng A với quyền quản lý các khoản thu, chi Ngân sách của UBND xã M đã quyết định rút số tiền 120.000.000đ đền bù lưới điện thuộc ngân sách xã để chi trả cho bị cáo L thông qua tài khoản của Công ty L tại hệ thống Agribank. Sau đó L đưa cho Hoàng A hai lần tổng số tiền 85.787.220 đồng (lần 1 trả 49.013.214 đồng vào tháng 1/2017, lần 2 trả 36.774.006 đồng vào tháng 2/2018), giữ lại Công ty L 12.818.780đồng. Số tiền Lại đưa Hoàng A không công khai, không vào hệ thống sổ sách kế toán và nhập trả ngay vào ngân sách của xã, để đối hoàn với khoản tiền đã dùng tạm ứng của Công ty Đ trả cho Trạm y tế xã mà quản lý cá nhân. Tại phiên tòa, bị cáo trình bày nguồn tiền trả ông H là do bị cáo vay của Công ty Đ, nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh nội dung này. Mặt khác, xác minh tại Công ty Đ thể hiện không cho Hoàng A hay UBND xã M vay tiền, các khoản tiền nộp đều là tiền hỗ trợ đất, nên không có căn cứ chấp nhận lời khai này của bị cáo.

Như vậy, bị cáo Hoàng A lợi dụng chức vụ là Chủ tịch UBND xã M, có quyền quyết định, quản lý thu chi ngân sách xã, trong khi thực hiện việc sửa chữa cải tạo công trình Trạm y tế của UBND xã M đã nhờ Công ty L của bị cáo Đặng Văn L lập không hồ sơ sửa chữa Trạm y tế để hợp lý hóa việc sửa chữa trên thực tế với giá trị chênh lệch từ 77.420.000đ (giá trị chi phí sửa chữa thực tế) lên 98.606.000đ, không vào hệ thống sổ sách kế toán, và ngân sách xã mà quản lý cá nhân nhằm mục đích chiếm đoạt. Bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức, biết rõ các nguyên tắc thu chi Ngân sách xã, nhưng thực hiện không đúng nguyên tắc mà chiếm giữ cá nhân tài sản từ nguồn thu ngân sách xã, gây thiệt hại cho tài sản Nhà nước nói chung. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quan hệ sở

hữu tài sản là nguồn thu Ngân sách UBND xã, xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước trong quản lý tài chính và tài sản Nhà nước. Do vậy, hành vi của Hoàng A đã đủ yếu tố cấu thành tội tham ô tài sản theo Điều 353 Bộ luật hình sự.

Việc xác định số tiền bị cáo Hoàng A chiếm đoạt căn cứ vào số tiền không tại hợp đồng thi công do Công ty L lập là 98.606.000đ (trừ đi số tiền thuế mà doanh nghiệp L đã nộp cho Ngân sách Nhà nước 8.964.182đ) và số tiền bị cáo đã thanh toán cho ông H số tiền 77.000.000đ thì số tiền chênh lệch này 12.641.818 đồng chính là số tiền mà thực tế bị cáo đã chiếm đoạt được. Do vậy cấp sơ thẩm đã căn cứ Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự năm 2015, xét xử bị cáo Nguyễn Hoàng A về tội Tham ô tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ đúng, người đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo và người bào chữa cho bị cáo xác định bị cáo không tư lợi, không chiếm đoạt số tiền trên, nên không phạm tội tham ô tài sản. Hoàng A giữ số tiền chưa nhập quỹ một thời gian (Từ tháng 1/2017, tháng 01/2018 cho đến tháng 8/2018), ngoài việc chờ thủ quỹ Tr thu đủ số tiền đã sử dụng mua sắm cho UBND xã hoàn đủ 100.000.000đ Hoàng A đã vay của Công ty Đ. Tuy nhiên, tài liệu chứng cứ, lời khai của bị cáo L, xác minh tại Công ty Đ, lời khai của người làm chứng khác thể hiện: Nguồn tiền thu của Công ty Đ không phải khoản vay của bị cáo mà là khoản thu ngân sách UBND xã M. Số tiền bị cáo hoàn lại theo Hợp đồng thi công không, Hoàng A trực tiếp nhận của L, không viết giấy biên nhận và quản lý cá nhân 85.787.220 đồng, không cho ai khác biết. Xác định hành vi chiếm đoạt của bị cáo đã hoàn thành và số tiền chiếm đoạt xác định là 12.641.818 đồng. Đến ngày 20/8/2018, khi Cơ quan điều tra đang tiến hành xác minh việc đầu tư, quyết toán, thanh toán công trình cải tạo Trạm Y tế thì Hoàng A mới giao nộp về ngân sách xã 78.387.220 đồng và giữ lại 7.000.000 đồng mà trước đó đã dùng tiền cá nhân trả ông Nguyễn Ngọc H. Ngày 13/9/2018 theo đề nghị của L, Hoàng A ký giấy biên nhận về việc nhận số tiền 85.787.220 đồng do L giao. Việc Hoàng A nộp lại tiền trên vào ngân sách xã là thực hiện khắc phục hậu quả đối với số tiền chiếm đoạt và khắc phục việc làm sai nguyên tắc thu chi ngân sách xã của bị cáo trước đó. Do vậy lập luận bị cáo và người bào chữa đưa ra là không có căn cứ, kháng cáo kêu oan của bị cáo không được chấp nhận. Người bào chữa đưa ra một số vi phạm tố tụng về thẩm quyền điều tra, việc phân công kiểm sát viên cấp tỉnh tham gia xét xử vụ án thuộc thẩm quyền của cấp huyện, vi phạm trong việc tranh tụng tại phiên tòa. Tuy nhiên, kiểm tra xem xét các thủ tục tố tụng trên tại hồ sơ vụ án đã đảm bảo thực hiện đúng theo quy

định của Bộ luật tố tụng hình sự, nên yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của bị cáo và người bào chữa là không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Tại bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng vai trò của các bị cáo trong vụ án, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét nhân thân, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo thành khẩn khai báo, nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt; bố đẻ bị cáo là liệt sĩ quy định tại các điểm b, s, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét bản thân là người có chức vụ Chủ tịch xã đứng đầu cơ quan hành chính ở địa phương, lại không chấp hành các quy định pháp luật, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý hành chính, đầu tư và thu, chi ngân sách địa phương, mà bị cáo lại tùy tiện trong phương pháp quản lý, lợi dụng sơ hở của pháp luật và sự lỏng lẻo trong quản lý ngân sách để thực hiện hành vi phạm tội. Hiện nay quan điểm của Đảng và Nhà nước ta kiên quyết đấu tranh với tội phạm tham nhũng. Do vậy cần có mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Xét thấy rằng mức hình phạt bị cáo Hoàng A 34 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới. Do đó, cần giữ nguyên mức hình phạt tại bản án sơ thẩm. HĐXX xét thấy cần Quyết định bắt và tạm giam bị cáo ngay tại phiên tòa để đảm bảo thi hành án.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Tại bản án sơ thẩm đã áp dụng hình phạt bổ sung cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ trong các cơ quan, tổ chức 01 năm 06 tháng là phù hợp, đúng quy định khoản 5 Điều 353 BLHS.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, các bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho UBND xã M (nay là P) và đã được nộp vào Kho bạc nhà nước, Đại diện UBND phường P không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hoàng A phạm tội và kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và hình sự phúc thẩm, nhưng do bị cáo là thân nhân liệt sĩ nên được miễn tất cả án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tại cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm do bị cáo không có đề nghị miễn án phí. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có đề nghị được miễn án phí theo pháp luật, nên cần sửa án sơ thẩm về nội dung này, miễn án phí hình sự sơ thẩm và hình sự phúc thẩm cho bị cáo.

[7]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, HĐXX không xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng A; sửa bản án hình sự sơ thẩm số 58/2020/HSST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương về phần án phí.

2. Căn cứ vào khoản 1, 5 Điều 353; điểm b, s, x khoản 1 Điều 51, Điều 7, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự.

2.1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng A phạm tội “Tham ô tài sản”.

2.2 Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng A 34 (Ba mươi tư) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (Ngày 31/3/2021)

(Quyết định bắt và tạm giam bị cáo ngay tại phiên tòa để đảm bảo thi hành án).

3. Về hình phạt bổ sung:

Cấm bị cáo Nguyễn Hoàng A đảm nhiệm chức vụ trong các cơ quan, tổ chức trong thời hạn 01 (một) năm 06 (sáu) tháng sau khi chấp hành xong hình phạt tù.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Luật phí và lệ phí; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí Hình sự sơ thẩm và Hình sự phúc thẩm cho bị cáo Nguyễn Hoàng A.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 31/3/2021./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND TX. K;
- CQCSĐT – CA TX. K;
- CQTHAHS-CA TX. K ;
- VKSND TX. K;
- Chi cục THADS TX. K;
- Trại tạm giam công an tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu Tòa; lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Thị Yến